

Số: 11/2020/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Quản lý, sử dụng kinh phí

Khoản tiền thu được theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và nguồn kinh phí được Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ được thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Trách nhiệm của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước

1. Thực hiện đúng quy định về thủ tục nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ, nộp đầy đủ, đúng hạn số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định và nộp thêm tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp quá thời hạn nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và các quy định về trách nhiệm của người sử dụng đất trồng lúa khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định diện tích, ranh giới đất trồng lúa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định;

b) Xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ (đối với hồ sơ của các cơ quan, tổ chức);

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh, tổng hợp tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh gửi về UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định;

d) Hằng năm, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất nông nghiệp và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố

a) Xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ (đối với hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân);

b) Tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố

a) Xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ. Riêng đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố mẫu thông báo vận dụng theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (Sở Tài chính giải quyết hồ sơ của các cơ quan, tổ chức; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố giải quyết hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân);

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hạch toán số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, đúng thời hạn, không đúng thời hạn; trường hợp chưa nộp đủ thực hiện đôn đốc và có báo cáo tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp có biện pháp giải quyết kịp thời;

c) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các loại cây trồng hằng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, hàng năm trước ngày 20 tháng 12 tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ;

d) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố

a) Hướng dẫn người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan Tài chính;

b) Truyền nhận thông tin thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho cơ quan Tài chính địa phương (Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố) khi có phát sinh theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy định này;

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định diện tích, ranh giới đất trồng lúa ngoài thực địa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định;

c) Hàng năm, trước ngày 15 tháng 12, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện, thành phố;

d) Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện, thành phố;

f) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của huyện, thành phố theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

g) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất trồng lúa tại địa phương; tổng hợp báo cáo kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất do chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn theo đúng quy định;

i) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt theo đúng quy định;

k) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 3 năm 2020.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu trước khi Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - TT.Tỉnh ủy;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh, Công báo tỉnh;
 - VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, chuyên viên;
 - Lưu: VT, KTN.
- } (Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Dũng